

Số: 79 /BC-THNVT

Bình Quới, ngày 06 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(Thực hiện Công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: **TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN THẮNG**

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ: Ấp Kỳ Châu, xã Bình Quới, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Điện thoại: 02733.662 381

Email: c1nguyenvanthangct.longan@moet.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <http://thnguyenvanthang.pgdchauthanhla.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Loại hình: Công lập

Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân huyện Châu Thành.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng: Xây dựng nhà trường: Nền nếp, kỷ cương, an toàn, trách nhiệm, Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của học sinh là danh dự của nhà trường.

4.2 Tầm nhìn: Trở thành trường có chất lượng cao; là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình; nơi giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công, để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, phát triển năng lực và tư duy sáng tạo; Xây dựng nhà trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia mức 1;

4.3. Mục tiêu chiến lược

Xây dựng nhà trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2, tạo uy tín về chất lượng giáo dục; là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu hướng phát triển của đất nước và thời đại; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức lối

sống, lương tâm, trách nhiệm của nhà giáo; Giáo dục nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; học sinh năng động sáng tạo đảm bảo về năng lực, phẩm chất... xây dựng trường học hạnh phúc.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường được thành lập từ những năm trước năm 1975 với tên trường là trường Phổ thông cơ sở Bình Quới ghép chung Mẫu giáo, cấp 1 và cấp 2 thuộc xã Bình Quới, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Từ năm 1987, sau khi tách riêng trường Mẫu giáo và trường cấp 2, trường có tên là trường phổ thông cấp 1 Bình Quới. Đến năm 2008, trường được đổi tên thành trường Tiểu học Nguyễn Văn Thẳng theo Quyết định số 316/QĐ.UBND ngày 10/04/2008 của UBND huyện Châu Thành.

Những đặc điểm của trường về số lớp và học sinh: Trường có 16 lớp với tổng số 510 học sinh có 235 học sinh nữ; về tổ chức đảng, đoàn thể: Chi bộ Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thẳng trực thuộc Đảng bộ xã Bình Quới với 21 Đảng viên; Công đoàn với 31 công đoàn viên; Liên đội có 302 Đội viên.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên: Phạm Hữu Trí

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ làm việc: Ấp Kỳ Châu, xã Bình Quới, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Điện thoại: 0909989 130

Thư điện tử: phamtri222@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường, cho phép hoạt động giáo dục:

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thẳng được thành lập theo Quyết định số 316/QĐ.UBND ngày 10/04/2008 của UBND huyện Châu Thành.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

+ Quyết định số 957/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành về việc thành lập Hội đồng trường Nguyễn Văn Thẳng nhiệm kỳ 2023-2028.

+ Chủ tịch Hội đồng: Ông Phạm Hữu Trí - Hiệu trưởng

+ Các thành viên:

- Bà Lê Nhàn Nhẫn, Chủ tịch Công đoàn;

- Bà Trần Thị Thanh Thúy, Tổ trưởng Tổ khối 1

- Bà Phạm Thị Phụng, Tổ trưởng Tổ khối 2;
- Bà Nguyễn Thị Kiều Mơ, đại diện Tổ khối 4;
- Bà Trần Thị Thùy Linh, đại diện Tổ khối 5;
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuyên, đại diện tổ Bộ môn;
- Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh, Đại diện tổ văn phòng;
- Ông Châu Văn Bình, Phó chủ tịch UBND xã Bình Quới;
- Bà Trương Thị Kim Yên, Đại diện Ban Đại diện cha mẹ học sinh

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: số 2618/QĐ-UBND ngày 28/08/2024 về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: số 936/QĐ-UBND ngày 4/3/2021 về việc bổ nhiệm lại lãnh đạo quản lý

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: (đính kèm).

+ Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Thực hiện giảng dạy, giáo dục theo chương trình GDPT 2018;

+ Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường: Theo Điều 3 Điều lệ Trường tiểu học:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

+ Cơ cấu tổ chức của trường: Thực hiện theo Điều 9, Điều lệ trường tiểu học cơ cấu tổ chức trường tiểu học gồm: Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học sinh.

8. Các văn bản khác của nhà trường:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Kế hoạch số 100/KH-THNVT ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thắng về Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thắng (*Ban hành kèm theo Quyết định số 70 /QĐ-THNVT ngày 6 tháng 9 năm 2024 của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thắng*)

- Các nghị quyết của hội đồng trường: (Đính kèm)

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30	0	1	29	0	0	0	1	10	18	26	3	0	
I	Giáo viên	19	0	0	19	0	0	0	1	2	16	16	3		

	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	8	0	0	8	0	0	0		8		8			
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3	0	0	3	0	0	0		3		3			
3	Tin học	1	0	0	1	0	0	0		1		1			
4	Âm nhạc	1	0	0	1	0	0	0		1		1			
5	Mỹ thuật	1	0	0	1	0	0	0		1		1			
6	Thể dục	2	0	0	2	0	0	0		2		2			
II	Cán bộ quản lý	2	0	1	1	0	0	0			2	2			
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0			1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0			1	1			
III	Nhân viên	1	0	0	1	0	0	0							
1	Nhân viên văn thư	0	0	0	0	0	0	0							
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0		1					
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0							
4	Nhân viên y tế.	0	0	0	0	0	0	0							
5	Nhân viên thư viện	0	0	0	0	0	0	0							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0							
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0							
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0							

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 29/29 Tỷ lệ 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	17/17	
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	18	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhò, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	6863m ²	11,7m ² /học sinh

V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3100 m ²	8,6 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	1550 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1160m ²	1,9 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	73,5 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	216 m ²	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	122,5 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	147 m ²	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	73,5 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	49 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	48 m ²	
9	Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội (m ²)	49 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	17/17	17/17lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	17/17	17/17lớp
1.1	Khối lớp 1	3	1/1
1.2	Khối lớp 2	3	1/1
1.3	Khối lớp 3	0	0
1.4	Khối lớp 4	0	
1.5	Khối lớp 5	4	1/1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	3	
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	3	
2.4	Khối lớp 4	3	0
2.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	28 bộ	Số học sinh: 11,6 HS /1 bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	16	0,8/ lớp
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	0,18/ lớp
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	- Khu nhà bếp đảm bảo phục vụ cho học sinh bán trú với tổng diện tích nhà bếp: 90 m ² .
XI	Nhà ăn	- Khu nhà ăn đảm bảo phục vụ cho học sinh bán trú với tổng diện tích nhà ăn 220 m ² .

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	Trường có 2 nhà vệ sinh với diện tích 36 m ²		Có 4 công trình vệ sinh cho học sinh với tổng diện tích 108 m ²		0,18 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh			Có 2 công trình với diện tích 72 m ²		0,12 m ²
			Có		Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x			
XVII	Kết nối internet		x			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website)		x			

	của trường		
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Đạt mức 2 kiểm định chất lượng

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm: Trong 5 năm gần đây, nhà trường chưa thực hiện đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng giáo dục

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thẳng đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá:

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/27 chiếm 0%
- Đạt Mức 1: 27/27 chiếm 100%
- Đạt Mức 2: 27/27 chiếm 100%
- Đạt Mức 3: 16/19 chiếm 84,2%

Căn cứ Điều 34 và Điều 37 của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, trường tiểu học Nguyễn Văn Thẳng tự đánh giá đạt: Mức độ 2 .

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian

Trường được công nhận Chuẩn quốc gia mức độ 1 vào tháng 01 năm 2021 theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021.

*** Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm:**

Ghi số các kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài (kèm theo kế hoạch).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2024-2025:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Kế hoạch số 78/KH-THNVT ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Trường tiểu học Nguyễn Văn Thắng về tuyển sinh năm học 2024-2025. (Kèm theo kế hoạch)

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

Kế hoạch số 89/KH-THNVT ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thắng về kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025. (Kèm theo kế hoạch)

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có).

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (năm học 2023-2024):

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối lớp	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Tỉ lệ hs/lớp	Nữ	Dân tộc				HS học 1 buổi/ngày	HS học 2 buổi/ngày	HS KT hòa nhập	HS có hoàn cảnh khó khăn	Học sinh bán trú
Một	3	103	34,3	46					0	103	0	0	70
Hai	3	98	32,6	44					0	98	0	0	55
Ba	4	104	26	51					0	104	0	3	57
Bốn	3	107	35,6	48					0	107	0	4	41
Năm	4	111	27,7	56					0	111	0	0	36
Tổng	17	523	30,7	245					0	523	0	7	259

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;
 - Thống kê kết quả đánh giá học sinh

STT	Khối / lớp	Số số	ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC			
			Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
1	Tổng Số	523	121	12	389	1
2	Khối 1	103	45	0	57	1
3	1.1	35	16	0	19	0
4	1.2	34	17	0	17	0
5	1.3	34	12	0	21	1
6	Khối 2	98	33	0	56	0
7	2.1	33	13	0	20	0
8	2.2	33	12	0	21	0
9	2.3	32	10	0	22	0
10	Khối 3	104	24	12	68	0
11	3.1	26	7	2	17	0
12	3.2	26	8	2	16	0
13	3.3	25	5	5	15	0
14	3.4	27	4	3	20	0
15	Khối 4	107	19	0	88	0
16	4.1	36	5	0	31	0
17	4.2	36	7	0	29	0
18	4.3	35	7	0	28	0

- Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

STT	Khối	Lớp	Tổng số học sinh	Hoàn thành chương trình lớp học		Lên lớp		Lưu ban	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Khối 1	1.1	35	35	100.0	35	100.0	0	0
2	Khối 1	1.2	34	34	100.0	34	100.0	0	0

3	Khối 1	1.3	34	33	97.0	33	97.0	1	0.97
4	Tổng khối 01		103	102	99.0	102	99.0	1	0.97
5	Khối 2	2.1	33	33	100.0	33	100.0	0	0
6	Khối 2	2.2	33	33	100.0	33	100.0	0	0
7	Khối 2	2.3	32	32	100.0	32	100.0	0	0
8	Tổng khối 02		98	98	100.0	98	100.0	0	0
9	Khối 3	3.1	26	26	100.0	26	100.0	0	0
10	Khối 3	3.2	26	26	100.0	26	100.0	0	0
11	Khối 3	3.3	25	25	100.0	25	100.0	0	0
12	Khối 3	3.4	27	27	100.0	27	100.0	0	0
13	Tổng khối 03		104	104	100.0	104	100.0	0	0
14	Khối 4	4.1	36	36	100.0	36	100.0	0	0
15	Khối 4	4.2	36	36	100.0	36	100.0	0	0
16	Khối 4	4.3	35	35	100.0	35	100.0	0	0
17	Tổng khối 04		107	107	100.0	107	100.0	0	0
18	Khối 5	5.1	28	28	100.0	28	100.0	0	0
19	Khối 5	5.2	28	28	100.0	28	100.0	0	0
20	Khối 5	5.3	27	27	100.0	27	100.0	0	0
21	Khối 5	5.4	28	28	100.0	28	100.0	0	0
22	Tổng khối 05		111	111	100.0	111	100.0	0	0
23	TỔNG SỐ		523	522	99.8	522	99.8	1	0,2

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 111, tỷ lệ 100%.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không có

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác)

- Ngân sách nhà nước năm 2023: 6.039.944.824
- Kinh phí 2 buổi/ngày, dịch vụ bán trú năm 2023: 467.174.537
- Kinh phí thu khác (căn tin, thuê mặt bằng) năm 2023: 129.086.400

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Ngân sách nhà nước năm 2023:
- + Chi lương, phụ cấp và thu nhập: 5.204.447.212
- + Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 824.397.612
- Kinh phí 2 buổi/ngày, dịch vụ bán trú năm 2023:
- + Chi lương và phụ cấp: 385.553.360
- + Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 37.853.046
- Kinh phí thu khác (căn tin) năm 2023:
- + Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 83.077.860

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Trợ cấp học sinh có sở hộ nghèo, con mồ côi,...: 11.100.000
- Miễn giảm 2 buổi/ngày đối với học sinh hộ nghèo, cận nghèo: 0

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù tính đến thời điểm 31/12/2023

- Quỹ 2 buổi – bán trú: 43.768.131
- Quỹ tiền ăn: 0
- Quỹ CSSKBĐ: 47.960.165
- Quỹ Căn tin, thuê mặt bằng: 46.008.540

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Tổ chức thực hiện linh hoạt chương trình giáo dục phổ thông

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 ở năm học 2024-2025 đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Thực hiện bồi dưỡng, tập huấn thay sách cho giáo viên, cán bộ quản lý để tiếp tục sẵn sàng cho việc triển khai CTGDPT 2018 ở khối lớp 5.

2. Chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 5

- Về đội ngũ giáo viên

Việc bố trí CBQL, GV, NV phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ thực hiện theo Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT về hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất như phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học; cho giáo viên tập huấn, bồi dưỡng giáo viên dạy các khối lớp và ưu tiên cho khối lớp 5 để chuẩn bị cho việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT.

Căn cứ vào năng lực đội ngũ giáo viên, trên cơ sở đó lựa chọn những giáo viên có nhiều kinh nghiệm, tích cực, năng động, sáng tạo trong đổi mới giáo dục để bố trí dạy lớp 5 đảm bảo chất lượng, phù hợp.

* Về cơ sở vật chất

+ Tăng cường sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

+ Rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình quy định.

* Về dạy học môn tiếng Anh, Tin học

Nhà trường tổ chức dạy học môn tiếng Anh các khối lớp từ 1- 5, môn Tin học cho 100% học sinh khối lớp 3 đến khối lớp 5. Tập trung các điều kiện đảm bảo dạy học các môn học này theo Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học của Bộ GD&ĐT.

3. Các nội dung khác.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ GD&ĐT về đổi mới và phát triển giáo dục.

Tham gia các hoạt động phát triển năng lực học sinh về các lĩnh vực giáo dục: giao lưu tìm hiểu An toàn giao thông, giao lưu vẽ tranh, viết chữ đẹp, các hoạt động giao lưu Tiếng Anh cho giáo viên và học sinh ...trên cơ sở tự nguyện

của phụ huynh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và nội dung học tập của học sinh tiểu học.

Tham gia Giao lưu “Giải thưởng GS Trần Văn Giàu” nhằm động viên khuyến khích học sinh và giáo viên phát huy năng lực sáng tạo dạy giỏi, học tốt.

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm 2024 của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thăng

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- TV Hội đồng trường;
- Công khai;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Trí